

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỖ VINAFOOD 1

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0107151097 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/01/2017)

Địa chỉ: Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 6278 2448

Fax: (84 - 4) 6278 2457

Website: www.vnf1flour.com.vn



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Phạm Văn Sơn

Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Tổ
chức Hành chính

Số điện thoại: (84 - 4) 6278 2448

Fax: (84 - 4) 6278 2457

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Quá trình hình thành và phát triển	4
1.1. Giới thiệu về Công ty.....	4
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	4
1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty	6
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông:.....	12
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKGD, những công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD:.....	13
4.1. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1:.....	13
4.2. Danh sách công ty con của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1:	13
4.3. Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:	13
5. Hoạt động kinh doanh.....	13
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	15
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	16
8. Chính sách đối với người lao động:.....	17
9. Chính sách cổ tức	17
10. Tình hình tài chính	18
11. Tài sản.....	21
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	23
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	29
14. Mục tiêu, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	29

15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	30
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
1.	Hội đồng quản trị	30
2.	Ban kiểm soát.....	34
3.	Ban Giám đốc.	38
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	44
III.	PHỤ LỤC.....	45

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỠ VINAFOOD 1
- Tên tiếng Anh: VINAFOOD 1 FLOUR JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VNF1 FLOUR. JSC
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Thanh Long – Giám Đốc
- Trụ sở chính: Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84 – 4) 6278 2448
- Fax: (84 – 4) 6278 2457
- Website: www.vnflour.com.vn
- Giấy CN ĐKDN: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0107151097 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/01/2017
- Vốn điều lệ đăng ký: 242.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 242.000.000.000 đồng
- Ngày trở thành Công ty đại chúng: 31/03/2017
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh bột mỳ
- Sản phẩm chính: Bột mỳ

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: BMV
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 24.200.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 61.200 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,25% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Đây là số cổ phiếu ưu đãi bán cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty, bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết làm việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đang đăng ký ngành nghề 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Mua bán, đại lý phân bón. Ngành kinh doanh phân bón vô cơ thuộc danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài. Theo khoản 2, điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP, “Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”. Như vậy, giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là tối đa 49%.

Tại ngày 31/03/2017, số lượng cổ phiếu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 là 0 cổ phiếu.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

Năm 2002, Bộ NN&PTNT có Quyết định số 4358/QĐ/BNN-TCCB ngày 16/10/2002 về việc thành lập Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh trên cơ sở hợp nhất Công ty Lương thực Thanh Hóa, Công ty Lương thực Nghệ An và Công ty Lương thực Hà Tĩnh. Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, ngày 08/04/2003, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có Quyết định số 67/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc thành lập Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang trực thuộc Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh.

Ngày 12/10/2004, Tổng công ty Lương thực miền Bắc có Quyết định số 319/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc tách Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang khỏi Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh và chính thức trở thành chi nhánh của Tổng công ty.

Năm 2008, sau khi hoàn thành thương vụ mua bán Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước tại Phường Đông Hải 2, Thành phố Hải Phòng, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có Quyết định số 157/QĐ-TCTLTMB-HĐQT ngày 03/09/2008 về việc thành lập Công ty Bột mỳ Vinafood 1 – Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc trên cơ sở tổ chức lại Chi nhánh – Công ty Sản xuất kinh doanh Bột mỳ Hưng Quang và Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước.

Năm 2015, Bộ NN&PTNT đã có Quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 chuyển Công ty Bột mỳ Vinafood 1 - Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Thực hiện chủ trương lớn của Nhà nước về việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/08/2015 về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc và công văn số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, Công ty đã thực hiện các thủ tục liên quan đến tiến trình cổ phần hóa. Trong đó, công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28/10/2016 với số lượng cổ phần chào bán là 8.229.800 triệu cổ phần, giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần. Kết quả, có 9 nhà đầu tư (1 tổ chức, 8 cá nhân) đăng ký tham gia đấu giá với khối lượng mua là 331.000 cổ phần tại mức giá 10.000 đồng/cổ phần.

Từ ngày 04/01/2017, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107151097 ngày 04/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 hiện đặt trụ sở tại số 94 Lương Yên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và có 02 nhà máy sản xuất là Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang (tại Thành phố Vinh, Nghệ An) và Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước (tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng).

Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang được thành lập tháng 04/2003, với dây chuyền, máy móc và công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, Thụy Sĩ, có công suất đạt 140 tấn/ngày. Hàng năm, nhà máy sản xuất trên 30.000 tấn bột mỳ các loại, chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn Châu Âu. Dưới sự quản lý, điều hành bởi đội ngũ kỹ sư, quản lý kinh tế chuyên ngành, trong những năm qua, các sản phẩm của nhà máy luôn được sự tin dùng của khách hàng. Các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy gồm có bột mỳ mang thương hiệu: Bò Câu, Sông Lam, Bến Thủy...

Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước được trang bị dây chuyền và công nghệ sản xuất tiên tiến của hãng Buhler, Thụy Sĩ và HBA, Trung Quốc. Công suất nhà máy ban đầu đạt 140 tấn/ngày. Sau khi được đầu tư thêm dây chuyền công suất 160 tấn/ngày vào năm 2013, Nhà máy có tổng công suất 300 tấn/ngày. Nhà máy được đặt tại Quận Hải An, TP Hải Phòng, thuận tiện cho việc tiếp nhận hàng hoá, nguyên liệu cũng như vận chuyển xuất bán thành phẩm qua các phương tiện đường thủy và đường bộ.

1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

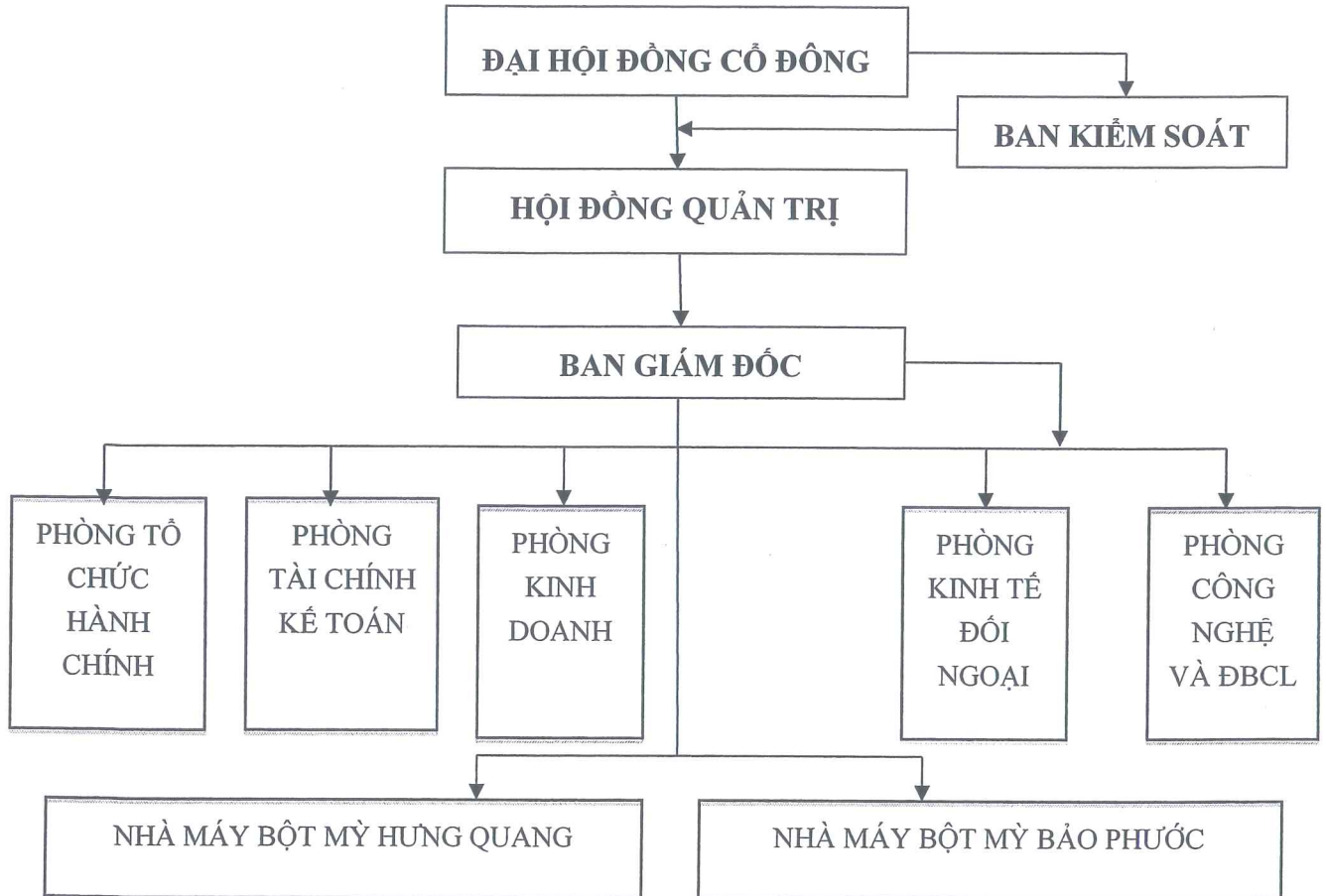
Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood được cổ phần hóa từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước với số vốn điều lệ là 242.000.000.000 đồng. Từ khi chuyển thành công ty cổ phần đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty

Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 hoạt động theo mô hình tổ chức Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược

kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của công ty như sau

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỠ VINAFOOD 1



2.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn của Công ty;
- Kế hoạch kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm;
- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Thông qua thù lao hoặc lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty hoặc việc giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hiện tại, HĐQT của Công ty có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo quy định cụ thể trong Quy chế tài chính của Công ty; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;

- Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty; Phân cấp cho Giám đốc quyết định các dự án đầu tư và bán tài sản có giá trị cụ thể quy định trong Quy chế tài chính của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán) Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử điều chuyển, bãi miễn, thay thế người đại diện vốn của Công ty ở các công ty có cổ phần, vốn góp khác, quyết định mức thù lao của những người đại diện này (nếu có);
- Giám sát, chỉ đạo Giám Đốc và Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác ngoài thẩm quyền của ĐHĐCĐ Công ty

2.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên, nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ;

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của từng vấn đề cụ thể có liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Xem xét ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc các cán bộ khác của Công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc các cán bộ khác;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Ban kiểm soát có quyền được sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí cho việc thuê tư vấn do Công ty chi trả nhưng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Ban kiểm soát có quyền sử dụng cán bộ nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo hoạt động, chi phí hoạt động và tiền thù lao trong báo cáo tài chính hàng năm; Kế hoạch hoạt động và tổng kinh phí hoạt động, tiền hoặc thù lao của Ban Kiểm soát năm kế hoạch.

2.4. Giám đốc

Giám đốc là người đại theo pháp luật của công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc;

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Tuyển dụng lao động theo yêu cầu của Công ty phù hợp với định biên lao động và quỹ lương hàng năm của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương và lợi ích khác của Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương và lợi ích khác các chức danh khác của Công ty trên cơ sở cơ cấu và biên chế tổ chức, quy chế bổ nhiệm và kỷ luật, quy chế tiền lương và tiền thưởng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc thỏa thuận; quyết định đồng thời phải gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để giám sát;
- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2.5. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:

- **Phòng Tổ chức Hành chính:** Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý điều hành công việc thuộc lĩnh vực: Tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, chính sách chế độ đối với người lao động, đào tạo huấn luyện, công tác hành chính, văn phòng, quản trị tổng hợp, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, bảo vệ an ninh nội bộ.
- **Phòng Tài chính Kế toán:** Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý điều hành công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán.
- **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, nắm bắt các thông tin kinh tế, diễn biến thị trường.
- **Phòng Kinh tế đối ngoại:** Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc xuất nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất, nắm bắt thông tin kinh tế thị trường.
- **Phòng Công nghệ và đảm bảo chất lượng:** Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác kiểm soát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo sản phẩm sản xuất ra đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

2.6. Các bộ phận sản xuất:

- **Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang:** Thực hiện công tác tổ chức sản xuất bột mỳ. Nhà máy đặt tại Thành phố Vinh, Nghệ An.

- **Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước:** Thực hiện công tác tổ chức sản xuất bột mỳ. Nhà máy đặt tại Quận Hải An, Hải Phòng.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông:

3.1. Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/03/2017:

STT	Họ và tên	Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/VĐL thực góp
1	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	0100102608	Số 6 Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm HN	23.662.700	97,78%
Tổng cộng				23.662.700	97,78%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/03/2017 của Công ty Cổ phần Bột Mỳ Vinafood 1

3.2. Cổ đông sáng lập: Công ty không có cổ đông sáng lập

3.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2017:

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu/VĐL thực góp
I	Cổ đông trong nước	142	24.200.000	100%
1	Cá nhân	140	487.300	2,01%
2	Tổ chức	2	23.712.700	97,99%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Cá nhân	0	0	0
2	Tổ chức	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng		142	24.200.000	100%

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKGD, những công ty mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD:

4.1. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1:

- Tên công ty: Tổng công ty Lương thực miền Bắc
- Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Giấy ĐKKD: 0100102608 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần thứ 7 ngày 29/07/2015.
- Điện thoại: 04 3926 4466
- Fax: 04 3926 4477
- Website: www.vinafood1.com.vn
- Vốn điều lệ: 4.359.390.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 23.662.700 cổ phần, tương ứng với 97,78% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh, xuất nhập khẩu lương thực.

4.2. Danh sách công ty con của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1:
Không có.

4.3. Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:
Không có.

4.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1:

Tổng công ty Lương thực miền Bắc

(Thông tin chi tiết tại Phần 4.1)

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 là sản xuất và kinh doanh bột mỳ. Hiện nay, Công ty đang điều hành 2 nhà máy sản xuất bột mỳ với tổng công suất đạt 440 tấn/ngày, phục vụ cung cấp bột mỳ cho nhiều nhóm khách hàng khác nhau bao gồm các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo, mỳ ăn liền, các đại lý phân phối và bán lẻ cho người tiêu dùng.

Sản phẩm chính của Công ty: Bột mỳ các loại.

5.2. Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/11/2015		Giai đoạn từ 01/12/2015 – 31/12/2015		Giai đoạn từ 01/01/2016 – 03/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng/ DTT (%)
Bột mỳ, Cám mỳ	478.197	90,73	47.340	99,47	390.802	81,02
Lúa mỳ	26.877	5,10	-	-	56.906	11,80
Gạo	19.558	3,71	58	0,12	31.377	6,50
Mặt hàng khác	300	0,06	-	-	-	-
Dịch vụ	2.010	0,38	187	0,39	3.302	0,68
Doanh thu khác	124	0,02	10	0,02	-	-
Tổng cộng	527.066	100	47.595	100	482.387	100

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

5.3. Tỷ lệ lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/11/2015	Giai đoạn từ 01/12/2015 – 31/12/2015	Giai đoạn từ 01/01/2016 – 03/01/2017
Doanh thu thuần	527.066.613.584	47.595.505.859	482.387.371.881
Lợi nhuận gộp	25.468.905.180	2.161.294.958	34.644.489.491
Tỷ lệ lợi nhuận gộp	4,83%	4,54%	7,18%

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

Năm 2016, Công ty ghi nhận tỷ lệ lợi nhuận gộp 7,18%, cao hơn so với những giai đoạn trước. Trong giai đoạn này, Công ty đã bán được 2.500 tấn bột mỳ cho Vimaflour và hơn 10.000 tấn lúa với giá cao hơn các năm trước. Vì vậy, tỷ lệ lợi nhuận gộp đã tăng lên đáng kể.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/11/2015	Giai đoạn từ 01/12/2015 – 31/12/2015	Giai đoạn từ 01/01/2016 – 03/01/2017
Tổng giá trị tài sản	384.120.793.234	373.118.072.048	343.778.480.167
Vốn chủ sở hữu	-	220.101.946.637	242.000.000.000
Doanh thu thuần	527.066.613.584	47.595.505.859	482.387.371.881
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(2.726.812.208)	130.700.817	6.050.575.026
Lợi nhuận khác	53.268.757	0	(968.468.072)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(2.673.543.451)	130.700.817	5.082.106.954
Lợi nhuận sau thuế	(2.673.543.451)	101.946.637	3.862.382.644
Giá trị sổ sách	0	10.005	10.000

Nguồn: BCTC kiểm toán các giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

Lưu ý: Trong năm 2015, Báo cáo tài chính kiểm toán của công ty bao gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/11/2015: hoạt động dưới mô hình Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Giai đoạn từ 01/12/2015 đến 31/12/2015: hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1.

Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn từ 01/01/2016 – 03/01/2017

Nhìn chung trong giai đoạn này, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 có sự cải thiện đáng kể. Mặc dù doanh thu thuần của Công ty có giảm so với năm 2015, tuy nhiên, với việc quản lý giá vốn hàng bán tốt và do tăng giá bán thành phẩm nên tỷ lệ giá vốn hàng bán / doanh thu thuần giảm, dẫn đến lợi nhuận gộp tăng đáng kể lên 34,6 tỷ đồng, so với mức 27,6 tỷ đồng của năm 2015.

Về chi phí, năm 2016, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao so với năm 2015, nguyên nhân do Công ty tiến hành tăng lương cho người lao động, đồng thời thực hiện các thủ tục liên quan đến cổ phần hóa nên phát sinh nhiều chi phí. Tuy vậy, với việc giá bán thành phẩm tăng cao và lỗ chênh lệch tỷ giá thấp (năm 2016: 31,9 triệu đồng;

năm 2015: 8,6 tỷ đồng) kéo theo chi phí tài chính thấp hơn nhiều so với năm 2015 nên hoạt động kinh doanh của Công ty đã có lãi trong năm 2016.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 là một trong những đơn vị sản xuất bột mỳ uy tín trong nước. Hiện nay, công ty đang sử dụng chủ yếu là công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, HBA với tổng công suất 440 tấn/ngày. Công ty có bề dày kinh nghiệm trong ngành nghề sản xuất kinh doanh bột mỳ, với đội ngũ kỹ thuật có chuyên môn cao và năng động.

Ngoài ra, Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và nhận được nhiều sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía Tổng công ty. Cùng với bề dày kinh nghiệm của mình, Công ty có nhiều lợi thế trong việc tiếp tục cạnh tranh và phát triển trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bột mỳ.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Theo Cục xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương, lượng tiêu thụ lúa mì trong nước có xu hướng tăng nhanh trong những năm trở lại đây. Lúa mì thô được sử dụng rộng rãi và đang dần thay thế cho ngô trong ngành công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi do giá thành rẻ hơn. Ngoài ra, lúa mì xay xát cũng đang được sử dụng nhiều hơn trong ngành thực phẩm tại Việt Nam và đang là loại thực phẩm phổ biến thứ 2 (sau gạo). Bột mỳ được sử dụng để chế biến nhiều dạng thực phẩm khác nhau, trong đó, sản xuất bánh mì chiếm 40 – 45% tổng lượng lúa mì xay xát tiêu thụ. Sản xuất mì truyền thống và mì ăn liền chiếm 35 – 40% và sản xuất bánh nướng và các thực phẩm từ lúa mì khác chiếm 15% - 25%. Việc tăng nhanh nhu cầu sử dụng bột mỳ trong cuộc sống được nhận định là do xu hướng đô thị hóa và người tiêu dùng bắt đầu quen với những thực phẩm tiện lợi mang phong cách phương Tây. Đây là một yếu tố quan trọng trong thúc đẩy việc sử dụng thực phẩm làm từ lúa mì xay xát. Nhìn chung, tổng nhu cầu về lúa mì của Việt Nam vào khoảng 2,3 triệu tấn/năm và lúa mì xay xát nằm trong khoảng 1,50-1,55 triệu tấn/năm. Nhu cầu sử dụng được dự đoán tăng khá qua các năm.

Cũng theo Cục xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương, Việt Nam là một nước nhập khẩu ròng lúa mì. Lượng lúa mì được nhập về Việt Nam trong năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015. Trong 10 tháng đầu năm 2016, Việt Nam đã nhập 4,1 triệu tấn lúa mì, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2015, và tăng hơn nhiều so với mức 2,5 triệu tấn của cả năm 2015. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường nội địa, Việt Nam còn xuất trở lại vào các nước trong khu vực ASEAN, chủ yếu dưới hình thức bột mỳ. Năng lực thiết kế của các nhà máy xay xát và chế biến lúa mì trong cả nước ước đạt 3 triệu tấn mỗi năm.

Như vậy, có thể nhận định, thị trường lúa mì nói chung và lúa mì xay xát nói riêng của Việt Nam là thị trường tiềm năng do nhu cầu tiêu thụ nội địa lớn và khả năng xuất khẩu trong khu vực ASEAN.

8. Chính sách đối với người lao động:

8.1. Số lượng lao động:

Số lượng người lao động của công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 154 người. Cụ thể như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)
1	Trình độ trên Đại học	7
2	Trình độ Đại học, Cao đẳng	62
3	Trình độ Trung cấp, Sơ cấp	22
4	Công nhân kỹ thuật	3
5	Lao động phổ thông	60
	Tổng số	154

Nguồn: CTCP Bột mì Vinafood 1

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu. Đối với Hợp đồng lao động thời vụ, Công ty luôn chú trọng tới việc rà soát và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ nhằm mục tiêu đảm bảo mức thu nhập ổn định tối thiểu cho cán bộ công nhân viên. Đối với các lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn hoặc không xác định thời hạn được Công ty ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm đầy đủ.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ. Cụ thể, Công ty thường xuyên bố trí cán bộ công nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đối với cán bộ kỹ thuật, công ty tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về chế biến bột mì tại nước ngoài.

Mức lương bình quân qua các năm:

	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Lương trung bình (đồng/người/tháng)	5.800.000	5.400.000	5.683.000

9. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Bột mì Vinafood 1 sẽ tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ

tài chính khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ trên đề xuất của HĐQT.

Công ty mới chuyển loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần từ tháng 01/2017, dự kiến trong năm 2017 Công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 2% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 ngày 16/12/2016.

10. Tình hình tài chính

10.1. Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 50 năm
Máy móc thiết bị	08 – 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 năm
TSCĐ vô hình (phần mềm kế toán)	05 năm

Nguồn: BCTC Kiểm toán giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

10.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

10.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	03/01/2017
Thuế GTGT	3.436.862.065	1.484.393.396
Thuế thu nhập cá nhân	(8.291.345)	58.582.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.754.180	409.560.928

Tổng	3.457.324.900	1.952.536.980
-------------	----------------------	----------------------

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

10.4. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10.5. Tổng dư nợ vay:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	03/01/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	128.477.467.400	75.152.702.228
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
Tổng	128.477.467.400	75.152.702.228

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

10.6. Tình hình công nợ hiện nay:

10.6.1. Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	03/01/2017
Các khoản phải thu ngắn hạn	69.630.632.357	53.638.227.368
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	68.228.577.570	51.208.408.466
Trả trước cho người bán ngắn hạn	679.114.134	1.271.031.976
Phải thu nội bộ	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	766.606.223	1.158.786.926
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(43.665.570)	-
Các khoản phải thu dài hạn	12.500.000	-
Phải thu dài hạn khác	12.500.000	-
Tổng	69.643.132.357	53.638.227.368

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

10.6.2. Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	03/01/2017
-----	----------	------------	------------

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	03/01/2017
I	Nợ ngắn hạn	152.922.445.411	101.684.800.167
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	128.477.467.400	75.152.702.228
2	Phải trả người bán ngắn hạn	4.207.535.868	4.697.597.558
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.620.000	114.716.125
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.465.616.245	1.952.536.980
5	Phải trả người lao động	1.544.615.208	2.180.230.844
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	748.157.795	1.153.138.100
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	421.927.273	180.231.301
8	Phải trả nội bộ	-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.223.705.622	16.253.647.031
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.816.800.000	-
II	Nợ dài hạn	93.680.000	93.680.000
1	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
2	Doanh thu chưa thực hiện	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	93.680.000	93.680.000
	Tổng nợ phải trả	153.016.125.411	101.778.480.167

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

10.7. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	03/01/2017
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	230.000.000	230.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Phòng có yêu cầu Công ty thành lập một sổ tiết kiệm trị giá 230.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho việc thanh toán tiền điện hàng tháng. Sổ tiết kiệm này được Công ty duy trì từ năm 2008 đến nay.

10.8. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn	Giai đoạn	Giai đoạn
		01/01/2015 – 30/11/2015	01/12/2015 – 31/12/2015	01/01/2016 – 03/01/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,57	1,36	1,65
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,27	0,62	0,57
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/ Tổng tài sản	Lần	1,00	0,41	0,30
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	-	0,70	0,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,24	0,13	1,35
Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/ Hàng tồn kho bình quân	Vòng	03,84	0,40	4,00
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	-0,51	0,21	0,80
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-	0,09	1,67
Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-0,63	0,03	1,08
Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	-0,52	0,27	1,25

Nguồn: BCTC kiểm toán các giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, và giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty.

11. Tài sản

11.1. Tài sản cố định của Công ty tại 03/01/2017

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	284.362.886.771	174.057.821.395	61,21%
Nhà cửa, vật kiến trúc	148.132.630.023	108.850.939.758	73,48%
Máy móc thiết bị	125.864.145.851	61.554.254.130	48,91%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10.258.476.897	3.583.535.450	34,93%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	107.634.000	69.092.057	64,19%

Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	%GTCL/NG
Tài sản cố định vô hình	385.150.000	241.400.000	62,68%
Phần mềm kế toán	385.150.000	241.400.000	62,68%
Tổng	284.748.036.771	174.299.221.395	61,21%

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017 của Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1.

11.2. Tình hình đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hình thức, thời hạn thuê đất	Mục đích sử dụng hiện tại	Hồ sơ pháp lý
1	Số 94 Lương Yên – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội	408,3	Thuê đất, Trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn sử dụng đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993	Có 1 tòa nhà 08 tầng làm trụ sở văn phòng Công ty	Văn bản số 3490/UBND-KT của UBND Thành phố Hà Nội ngày 13/06/2016 phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 985634 cấp ngày 19/01/2012 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp
2	Tại khối Tân Hòa, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	20.842,4	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 07/06/2056	Nhà máy và nhà sản xuất chính, kho chứa nguyên liệu và thành phẩm.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 761023 ngày 21/07/2006 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An cấp
3	Phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng	19.805,0	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 02/08/2042	Có 02 dây chuyền sản xuất Bột mỳ, nhà văn phòng, kho tàng chứa nguyên liệu và thành phẩm.	Văn bản số 2611/UBND-ĐMDN ngày 10/11/2016 của UBND TP Hải Phòng phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hình thức, thời hạn thuê đất	Mục đích sử dụng hiện tại	Hồ sơ pháp lý
					AI 210450 cấp ngày 21/11/2008 do sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải phòng cấp

Nguồn: CTCP Bột mỳ Vinafood 1

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1. Mục tiêu cơ bản 3 năm từ 2017 – 2019

- Ổn định và tăng trưởng sản xuất hàng năm;
- Đảm bảo đủ việc làm, từng bước cải thiện các điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước;
- Doanh thu tăng 10%/năm;
- Sản xuất kinh doanh có lãi.

12.2. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
1	Vốn điều lệ CTCP	Trđ	242.000	0,00%	242.000	0,00%	242.000	0,00%
2	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ chủ yếu	Kg	91.350.000	22,86%	100.450.000	9,96%	110.500.000	10,00%
2.1	Bột mỳ	“	58.450.000	31,72%	64.500.000	10,35%	71.000.000	10,08%
2.2	Cám mỳ	“	19.800.000	24,08%	21.500.000	8,59%	23.700.000	10,23%
2.3	Lúa mỳ	“	2.200.000	-78,03%	2.400.000	9,09%	2.600.000	8,33%
2.4	Nguyên liệu thức ăn gia súc	“	4.300.000	-	4.750.000	10,47%	5.200.000	9,47%
2.5	Nông sản	“	4.400.000	-	4.800.000	9,09%	5.300.000	10,42%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
2.6	Gạo cung ứng xuất khẩu	“	2.200.000	-45,09%	2.500.000	13,64%	2.700.000	8,00%
3	Tổng doanh thu	Trđ	583.000	20,66%	641.300	10,00%	705.400	10,00%
3.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	“	582.100	20,67%	640.280	9,99%	704.270	9,99%
	Bột mỳ	“	414.000	33,03%	455.600	10,05%	501.000	9,96%
	Cám mỳ	“	93.000	16,83%	102.300	10,00%	112.000	9,48%
	Lúa mỳ	“	12.500	-78,03%	13.500	8,00%	15.200	12,59%
	Nguyên liệu thức ăn gia súc	“	41.900	-	46.000	9,79%	50.600	10,00%
	Gạo cung ứng xuất khẩu	“	17.100	-45,50%	18.900	10,53%	20.800	10,05%
	Nông sản khác	“	400	-	500	25,00%	600	20,00%
	Doanh thu dịch vụ	“	3.200	-3,09%	3.480	8,75%	4.070	16,95%
3.2	Doanh thu tài chính	“	650	-15,14%	720	10,77%	780	8,33%
3.3	Thu nhập khác	“	250	3025,00%	300	20,00%	350	16,67%
4	Tổng chi phí	Tr đ	574.530	20,17%	631.980	10,00%	695.150	10,00%
4.1	Chi phí bán hàng	“	6.600	-16,59%	7.400	12,12%	8.200	10,81%
4.2	Chi phí QLDN	“	11.000	-32,87%	12.360	12,36%	13.600	10,03%
4.3	Chi phí tài chính	“	9.100	79,81%	10.200	12,09%	11.150	9,31%
4.4	Chi phí khác	“	660	-32,45%	720	9,09%	800	11,11%
4.5	Giá vốn hàng bán	Trđ	547.170	22,21%	601.300	9,89%	661.400	10,00%
	Bột mỳ	“	385.500	36,39%	424.000	9,99%	466.000	9,91%
	Cám mỳ	“	92.000	15,62%	101.000	9,78%	111.000	9,90%
	Lúa mỳ	“	11.500	-79,00%	12.700	10,43%	13.800	8,66%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
	Nguyên liệu thức ăn gia súc	“	41.000	-	44.600	8,78%	49.000	9,87%
	Gạo cung ứng xuất khẩu	“	16.800	-45,41%	18.500	10,12%	20.300	9,73%
	Nông sản khác	“	370	-	500	35,14%	1.300	160,00%
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	“	35.830	3,42%	40.000	11,64%	44.000	10,00%
6	Lợi nhuận trước thuế	“	8.470	66,67%	9.320	10,04%	10.250	9,98%
7	Lợi nhuận sau thuế	“	6.776	75,45%	7.456	10,04%	8.200	9,98%
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,16%	-	1,16%	-	1,16%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	2,80%	-	3,08%	-	3,39%	-
10	Tỷ lệ cổ tức trên VCSH (dự kiến)	%	2,0%	-	2,0%	-	2,0%	-
11	Lao động bình quân (người)	Người	165	7,14%	170	3,03%	170	0,00%
12	Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	Đồng	6.090.000	7,16%	6.520.000	7,06%	7.040.000	7,98%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 ngày 16/12/2016.

12.3. Các giải pháp cơ bản cho việc thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu:

12.3.1. Giải pháp về sản phẩm và thị trường:

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung vào lĩnh vực chính là: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mỳ và các loại sản phẩm từ bột mỳ;

- Hoàn thiện cơ sở về vật chất, khép kín chuỗi sản xuất từ các silo chứa nguyên liệu, nhà máy sản xuất và kho bảo quản để phòng tránh mối mọt, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của Công ty, phấn đấu giảm thời gian lưu kho từ bình quân 60 ngày sản xuất xuống 50 ngày. Tổ chức lại công tác quản lý sản xuất tại 02 nhà máy tại thành phố Vinh (Nghệ An) và Hải Phòng theo hướng độc lập, tự chủ trên cơ sở giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí nhằm đảm bảo phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động nhằm mục tiêu thi đua, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất;
- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; Tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng;
- Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ NN& PTNT, Tổng công ty Lương thực miền Bắc trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, để giành lợi thế trong việc cạnh tranh;
- Xây dựng hệ thống chính sách khuyến mại hấp dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh có năng lực, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, đa dạng hoá sản phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng nhằm đón đầu xu hướng ngày càng tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm bột mỳ trong nhân dân. Dự kiến sẽ tăng cường đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng từ 4 người (2016) lên quy mô 10 người (2018);
- Nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của các phương án đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm như bột mỳ để sản xuất bánh tươi, bánh kẹo cao cấp....
- Thúc đẩy hoạt động bán lẻ tới các hộ tiêu dùng. Phát triển mới thị trường các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế, tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng thị trường cung cấp bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ không chỉ giới hạn phạm vi trong nước. Nghiên cứu khả năng phát triển thêm ngành nghề kinh doanh có liên quan đến bột mỳ trong thời gian tới nhằm tạo ra chuỗi giá trị khép kín.

12.3.2. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty;
- Xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm;

- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thực các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

12.3.3. Giải pháp về tài chính, vốn

- Tiếp tục đánh giá lại tình hình tài chính, vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Những tài sản không cần dùng sẽ thanh lý, chuyển nhượng để thu hồi vốn hoặc đầu tư cho hoạt động khác có hiệu quả hơn.

- Nâng cao hiệu quả công tác tài chính để đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư thiết bị; cơ cấu lại nguồn vốn trung, dài hạn hợp lý. Tìm kiếm, vận động các nguồn vốn vay tín dụng nhằm phát huy hiệu quả của đòn bẩy tài chính kết hợp các nguồn tiền từ khấu hao, quay vòng vốn do thu hồi nhanh công nợ, giảm tồn kho trong thời gian tới để giảm chi phí vay ngân hàng

- Tổ chức lại công tác kế toán theo hướng gọn nhẹ, hợp lý và có hiệu quả; Theo dõi và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí; Lập báo cáo đầy đủ và đúng hạn; Quản lý sát sao các khoản công nợ phải thu của khách hàng, phấn đấu giảm thời gian thu hồi công nợ từ bình quân 40 ngày xuống 30 ngày; Sử dụng hiệu quả các công cụ tài chính nhằm tăng sức mạnh tài chính; Tiết kiệm các khoản chi phí tài chính... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị

12.3.4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.

- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiến toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

- Thực hiện khoán sản xuất và áp dụng các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc mới.

- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được tổ chức chặt chẽ, minh bạch, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện phát huy hết tính tự chủ, sáng tạo, dám làm dám chịu của các nhân tố trong quá trình tổ chức hoạt động của đơn vị.

- Xây dựng và phát triển một nền văn hóa doanh nghiệp có hệ thống các giá trị cốt lõi tạo được động lực thúc đẩy mọi người làm việc, hạt nhân liên kết mọi người trong doanh nghiệp với nhau, liên kết doanh nghiệp với khách hàng, đối tác của doanh nghiệp, liên kết doanh nghiệp với xã hội, góp phần phát triển thương hiệu, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

12.3.5. Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất:

- Tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, hoạt động có hiệu quả, có tiềm năng và lợi thế lớn. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hướng tới mục tiêu nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.

- Rà soát nguồn lực hiện có (thiết bị, công nghệ, đất đai,...), xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có.

- Thường xuyên vệ sinh dây chuyền, máy móc sản xuất đảm bảo an toàn sản xuất theo các tiêu chuẩn cao nhất.

- Tìm kiếm các giải pháp về sản phẩm và thị trường trong lĩnh vực sản xuất, chế biến bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ. Phấn đấu xây dựng được dòng sản phẩm khẳng định vị thế của Công ty Bột mỳ Vinafood 1 trên thị trường.

12.3.6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ. Sau khi chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Ban lãnh đạo Công ty sẽ thực hiện rà soát lại nguồn nhân lực hiện có, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch chi tiết việc bố trí nhân sự đảm bảo tính kế thừa có bổ sung nhân tố mới nhằm khai thác có hiệu quả hơn nguồn nhân lực của đơn vị.

- Lập kế hoạch bố trí cán bộ tham dự các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, cử cán bộ kỹ thuật tham dự các khoá học chuyên sâu về chế biến bột mỳ... nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng; Xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân lực có chuyên môn phù hợp để tăng cường công tác quản lý sản xuất của đơn vị.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh

doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.

- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

14. Mục tiêu, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

14.1. Mục tiêu:

- Tái cấu trúc và xây dựng Công ty Bột mỳ Vinafood 1 mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi;
- Xây dựng doanh nghiệp thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bột mỳ tại Việt Nam.

14.2. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

14.2.1. Liên kết: Liên kết các cổ đông, các đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn như việc sản xuất bánh mỳ, các sản phẩm từ bột mỳ.

14.2.2. Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Phát triển vững chắc – tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp sản phẩm đã ký với các khách hàng, đối tác. Không ngừng nâng cao tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty đáp ứng đa dạng hoá nhu cầu của khách hàng.

14.2.3. Về kỹ thuật công nghệ: Không ngừng đổi mới, nâng cấp các trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất của Công ty, đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe.

14.2.4. Đổi mới: Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hoá doanh nghiệp hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bột mỳ tại Việt Nam

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 03 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Lợi	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Phùng Thanh Long	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Phạm Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Không điều hành

1.1. Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân Lợi
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 10/06/1958
4. Nơi sinh: Xã Hoàng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số nhà 52/132 Đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
7. Số CMND: 013215362 Ngày cấp: 04/07/2009 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội.
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1978 - 12/1983	Xí nghiệp Tàu thuyền Thanh Hoá	Nhân viên
01/1984 - 11/1991	Công ty Lương thực Hoằng Hoá	Phó Giám đốc
12/1991 - 03/1993	Cửa hàng Lương thực thị xã Sầm Sơn	Cửa hàng trưởng
04/1993 - 03/2001	Công ty Lương thực Thanh Hoá	Trưởng phòng
04/2001- 12/2002	Công ty Lương thực Thanh Hoá	Phó Giám đốc
01/2003 - 04/2003	Nhà máy bột mỳ Hưng Quang, Công ty lương thực Thanh Nghệ Tĩnh	Chuyên viên
05/2003 - 07/2008	Công ty sản xuất kinh doanh Bột mỳ Hưng	Phó Giám đốc

	Quang	
08/2008 - 09/2008	Công ty sản xuất kinh doanh Bột mỳ Hưng Quang	Giám đốc
09/2008 - 12/2008	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc
01/2009 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Giám đốc
12/2015 – 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Giám đốc
01/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Chủ tịch Hội đồng quản trị

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:

- Sở hữu cá nhân: 3.700 cổ phiếu, chiếm 0,015 % vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc: 7.098.810 cổ phiếu, chiếm 29,33% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	Đại diện sở hữu	23.662.700	97,78%

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.2. Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Phùng Thanh Long

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 08/12/1976

4. Nơi sinh: Phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: Số 118 Ngõ Thịnh hào 1, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

7. Số CMND: 001076004105 Ngày cấp: 05/02/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý cư trú Bộ Công an

8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kiến trúc, Thạc sỹ Quản trị

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm

Giám đốc Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1999 – 07/2005	Viện Nghiên cứu thiết kế trường học – Bộ Giáo dục và Đào tạo	Kiến trúc sư
08/2005 – 08/2007	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Vietracimex – Bộ Giao thông Vận tải	Trưởng phòng
09/2007 – 08/2009	Công ty cổ phần Hanarchi Việt Nam	Giám đốc
09/2009 – 06/2014	Tổng công ty Lương thực miền Bắc Công ty cổ phần Lương thực Nam Định	Trưởng Ban ĐTXDKT Chủ tịch Hội đồng quản trị
07/2014 – 08/2015	Công ty cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
09/2015 – 12/2016	Công ty cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐTV
01/2017 đến nay	Công ty cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc: 9.465.080 cổ phiếu, chiếm 39,11% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	Đại diện sở hữu	23.662.700	97,78%

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.3. Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Phạm Văn Sơn

2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 03/11/1967
4. Nơi sinh: Xã Nhân Quyền, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số nhà 217 Cao Bá Quát, Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
7. CMTND: 1413 094 74 Ngày cấp: 29/05/2008 Nơi cấp: Công an Hải Dương
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1985-10/1991	Công ty Lương thực Nam Thanh thuộc Sở lương thực Hải Hưng	Nhân viên
11/1991- 12/1992	Cửa hàng Kinh doanh lương thực Cầu giao thuộc Công ty lương thực Nam Thanh	Kế toán
01/1993 – 04/1994	Quầy Kinh doanh lương thực Tiền Trung thuộc Cửa hàng lương thực huyện Nam Thanh	Trưởng quầy
05/1994- 09/2000	Cửa hàng lương thực Huyện Nam Thanh thuộc Công ty lương thực tỉnh Hải Dương	Kế toán
10/2000-01/2002	Cửa hàng Kinh doanh lương thực Nam Sách thuộc công ty lương thực tỉnh Hải Dương	Phó trưởng cửa hàng
02/2002-12/2002	Cửa hàng Kinh doanh lương thực Nam sách thuộc Công ty lương thực tỉnh Hải Dương	Trưởng cửa hàng
01/2003 - 02/2005	Cửa hàng xăng dầu Tiền Trung	Trưởng cửa hàng
03/2005 - 02/2006	Xí nghiệp lương thực Tiền Trung thuộc Công ty lương thực Sông Hồng	Phó giám đốc
03/2006 - 06/2006	Công ty Lương thực Sông Hồng	Phó phòng Kinh doanh

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2006 - 04/2007	Công ty Lương thực Sông Hồng	Trưởng phòng Kinh doanh
05/2007 – 07/2010	Công ty Cổ phần Vinafood1 Hải Dương	Trưởng phòng Tài chính kế toán
08/2010 – 03/2012	Công ty Cổ phần Vinafood1 Hải Dương	Kế toán trưởng
04/2012 – 05/2013	Công ty Cổ phần Vinafood1 Hải Dương	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc
06/2013 – 09/2014	Công ty Cổ phần Vinafood1 Hải Dương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
10/2014 – 12/2015	Công ty Cổ phần lương thực Hà Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc
01/2016 – 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Thành viên Hội đồng thành viên
01/2017 - đến nay	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,021% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc: 7.098.810 cổ phiếu, chiếm 29,33% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	Đại diện sở hữu	23.662.700	97,78%

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) có 03 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bùi Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
2	Dương Thị Kim Bình	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trịnh Thị Kim	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Bùi Thị Thu Hương
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 27/03/1982
4. Nơi sinh: Xã Minh Quang, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: 31 nhà 7B Lương Yên, phố Lãng Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội
7. CMTND: 013241266. Nơi cấp: Công an Hà Nội Ngày cấp: 01/12/2009
8. SĐT liên lạc: (84 - 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Tổng công ty lương thực miền Bắc.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2004-02/2007	CN Công ty TNHH Hạt giống CP Việt Nam	Nhân viên
03/2007-04/2008	Ngân hàng TMCP An Bình	Nhân viên
05/2008 -12/2016	Tổng công ty Lương thực Miền Bắc	Nhân viên
01/2017 - Đến nay	Tổng công ty Lương thực Miền Bắc Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Nhân viên Trưởng ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	Nhân viên	23.662.700	97,78%

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Dương Thị Kim Bình
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/04/1976
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P 423 A4 Tập thể công cụ số 01, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
- CMTND: 0128 352 44 Ngày cấp: 11/11/2005 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- SĐT liên lạc: (84 - 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị chiến lược
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1998 - 02/1999	Công ty Đầu tư phát triển Hà Nội	Nhân viên
04/1999 - 05/2000	Công ty Hữu nghị Fortika	Nhân viên
07/2002 - 05/2003	Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng giao thông 1	Phó phòng Kế toán
06/2003 - 12/2005	Công ty xây dựng và thương mại – Bộ giao thông vận tải	Nhân viên
01/2006 - 10/2008	Công ty cổ phần Tranenco	Nhân viên
11/2008 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Phó phòng Kế toán

12/2015 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Kiểm soát viên
01/2017 - Đến nay	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó P. Tổ chức Hành chính

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phiếu, chiếm 0,009% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3. Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Trịnh Thị Kim
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 10/08/1967
4. Nơi sinh: Xã Toàn Thắng Huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số 7/12 Ngõ 38 P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
7. CMTND: 0306 769 20 Ngày cấp: 19/09/2007 Nơi cấp: Công an Hải Phòng
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế- Chuyên ngành kế toán tài chính
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kế toán Nhà máy bột mỳ Bảo Phước - Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1986-11/2000	Xí nghiệp Giày dép số 2 Hải Phòng.	Nhân viên
12/2000-12/2007	Kế toán tại Công ty LTNNH Kai Nan.	Nhân viên
01/2008-08/2008	Công ty TNHH TM Bảo Phước.	Trưởng phòng kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2008-11/2015	Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước- Công ty Bột mỳ Vinafood1.	Trưởng phòng kế toán Nhà máy
12/2015-12/2016	Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước - Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood1.	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty kiêm Trưởng phòng NM
01/2017 Đến nay	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kế toán Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phiếu, chiếm 0,013% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3. Ban Giám đốc.

Danh sách Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phùng Thanh Long	Giám đốc
2	Ngô Thị Bích Anh	Phó giám đốc
3	Lê Sỹ Tích	Phó giám đốc
4	Lưu Anh Tuấn	Phó giám đốc
5	Phạm Bình Nguyên	Phó giám đốc
6	Lê Đình Hiệp	Kế toán trưởng

3.1. Giám Đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị: Phùng Thanh Long

(Chi tiết tại Phần 1.2)

3.2. Phó Giám đốc:

1. Họ và tên: Ngô Thị Bích Anh
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 10/11/1977
4. Nơi sinh: Bắc Giang
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: 52 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội
7. CMTND: 011878759 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 05/12/2005
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Bắc.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/1999 Đến 11/2012	Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Chuyên viên
Từ 11/2012 Đến nay	Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Phó Trưởng Ban
8/2015 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám Đốc
12/2015 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám Đốc
01/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám Đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán	23.662.700	97,78%

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3.3. Phó Giám đốc:

1. Họ và tên: Lê Sỹ Tích
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 01/05/1972
4. Nơi sinh: Hoàng Quý, Hoàng Hóa, Thanh Hóa
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: 1702-24T1- Khu Chung Cư Hapulico Số 01 Nguyễn Huy Tường, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
7. CMTND: 1714 771 94 Ngày cấp: 04/03/2005 Nơi cấp: Công an Thanh Hóa
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thương mại bưu chính và Chuyển phát nhanh Việt Nam
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1995 - 10/1999	Công ty TNHH Thanh kết	Nhân viên
11/1999 - 10/2003	Công ty Sản xuất và Dịch vụ vật tư kỹ thuật	Quản lý bán hàng
11/2003 - 09/2008	Công ty SX-KD bột mỳ Hưng Quang	Trưởng phòng Kinh doanh
09/2008 - 09/2011	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Trưởng phòng Kinh doanh
10/2011 - 10/2012	Công ty Bột mỳ Vinafood 1 Công ty Cổ phần thương mại bưu chính và Chuyển phát nhanh Việt	Trưởng phòng Kinh doanh Chủ tịch Hội đồng quản trị
10/2012 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1 Công ty Cổ phần thương mại bưu chính và Chuyển phát nhanh Việt	Phó Giám đốc Chủ tịch Hội đồng quản trị
12/2015 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 Công ty Cổ phần thương mại bưu chính	Phó Giám đốc Chủ tịch Hội

	và Chuyển phát nhanh Việt	đồng quản trị
01/2017	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc
Đến nay	Công ty Cổ phần thương mại bưu chính và Chuyển phát nhanh Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 6.200 cổ phiếu, chiếm 0,026% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3.4. Phó giám đốc

- Họ và tên: Lư Anh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/02/1973
- Nơi sinh: Xã Lương Bằng, Huyện Kim Thi, Tỉnh Hưng Yên.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 12/739 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng
- CMTND: 0308 403 22 Ngày cấp: 02/4/2007 Nơi cấp: Công an Hải phòng
- SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1995 - 3/1996	Công ty Vimaflour	Nhân viên
4/1996 - 4/1997	Tham gia khóa đào tạo về công nghệ sản xuất bột mỳ tại Malaysia - Công ty Vimaflour	Trưởng ca
5/1997 - 10/2003	Nhà máy bột mỳ Cái Lân – Công ty Vimaflour	Trưởng ca
11/2003 - 10/2006	Công ty SX - KD Bột mỳ Hưng Quang	Kỹ sư trưởng

11/2006 - 9/2008	Công ty SX-KD bột mỳ Hưng Quang	Phó Giám đốc
9/2008 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc
12/2015 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc
01/2017 - Đến nay	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phiếu, chiếm 0,013% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3.5. Phó giám đốc

1. Họ và tên: Phạm Bình Nguyên
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 16/09/1970
4. Nơi sinh: Xã Phú Lương, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Ngách 64/27 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
7. CMTND: 0131 563 72 Ngày cấp: 12/02/2009 Nơi cấp: Công an Hà Nội
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1993-09/1997	Phòng Marketing-XN dậu tằm tơ	Cán bộ
10/1997-12/2006	Nhà máy SX bột mỳ Cái Lân Thuộc công ty TNHH SX bột mỳ Vimaflour	Trưởng phòng giao hàng
01/2007-9/2008	Công ty Sản xuất Kinh doanh bột mỳ Hưng Quang	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2008-10/2012	Công ty Bột mỳ Vinafood1	Trưởng phòng kinh tế đối ngoại
10/2012 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc
12/2015 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc
01/2017 - Đến nay	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Phó Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phiếu, chiếm 0,026% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3.6. Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Lê Đình Hiệp
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 17/09/1971
4. Nơi sinh: Nghệ An
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Cụm Tó, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân Hà Nội
7. CMTND: 181818568 Nơi cấp: Nghệ An Ngày cấp: 29/06/2007
8. SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1999 – 5/2002	Công ty SX hàng tiêu dùng Bình Tiên	Nhân viên
6/2002 – 02/2003	Công ty CP mía đường Sông Dinh	Phó phòng kế toán
02/2003 – 9/2008	Công ty Sản xuất Kinh doanh bột mỳ Hưng Quang	Phó phòng kế toán
9/2008 - 11/2015	Công ty Bột mỳ Vinafood 1	Trưởng phòng Kế

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		toán
12/2015 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1	Kế toán trưởng
01/2017 - Đến nay	Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 2.800 cổ phiếu, chiếm 0,012% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị công ty bằng cách đưa ra kế hoạch kinh doanh cụ thể trong tương lai. Kế hoạch trước mắt là tập trung đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

Công ty sẽ tiếp tục tuyển dụng nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

Công ty luôn cố gắng đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho Cán bộ, công nhân viên (CBCNV). Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.

Đối với thành phần Ban kiểm soát: Điều 105 Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 26/11/2014 quy định Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại công ty. Ngoài ra, theo Điều 18 Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Tuy nhiên, do khó khăn hiện tại về nhân sự nên Bà Bùi Thị Thu Hường, nhân viên của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc tạm thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Bà Trịnh Thị Kim, trưởng phòng Kế toán Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước tạm thời được bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát. Công ty cam kết sẽ tiến hành đề cử và bầu lại người phù hợp vào Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất để đáp ứng đúng các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức để tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. BCTC kiểm toán các giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2016 – 03/01/2017.

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2017

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỠ VINAFOOD 1**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN XUÂN LỢI

GIÁM ĐỐC



PHÙNG THANH LONG

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NHỮ ĐÌNH HÒA

